

Số: 010 /VACO/BCKT.NV2**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 01/02/2012 của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 18. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV



Phạm Xuân Sơn  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2012



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01 - DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>286.594.451.674</b>	<b>388.862.293.810</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>203.156.874.536</b>	<b>152.821.431.182</b>
1. Tiền	111		2.356.874.536	2.121.431.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.800.000.000	150.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>80.000.000.000</b>	<b>230.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	80.000.000.000	230.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.538.386.211</b>	<b>4.643.401.455</b>
1. Phải thu khách hàng	131		381.144.500	2.670.479.232
2. Trả trước cho người bán	132		526.602.120	60.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.630.639.591	1.912.922.223
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>899.190.927</b>	<b>1.397.461.173</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		844.705.927	1.342.976.173
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	54.485.000	54.485.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250)</b>	<b>200</b>		<b>184.755.126.066</b>	<b>61.078.146.048</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>176.755.126.066</b>	<b>53.078.146.048</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.561.160.416	5.998.646.219
- Nguyên giá	222		9.969.789.774	8.707.925.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.408.629.358)	(2.709.279.543)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	10.433.250
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(31.299.750)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	171.193.965.650	47.069.066.579
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>471.349.577.740</b>	<b>449.940.439.858</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÁU SỐ B 01 – DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>19.945.975.334</b>	<b>2.998.043.226</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.945.975.334</b>	<b>2.998.043.226</b>
1. Phải trả người bán	312		-	1.070.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.560.400.813	1.259.568.647
3. Phải trả người lao động	315	13	3.584.152.172	-
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	13.345.884.000	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15	1.455.538.349	668.474.579
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>451.403.602.406</b>	<b>446.942.396.632</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>451.403.602.406</b>	<b>446.942.396.632</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		440.000.000.000	440.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.363.547.072	2.960.674.444
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		792.371.227	467.658.709
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		396.185.613	233.829.354
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.851.498.494	3.280.234.125
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>471.349.577.740</b>	<b>449.940.439.858</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**MÁU SỐ B 01 – DN**  
Đơn vị: USD

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ các loại (USD)	411,69	300,55



Trần Ngọc Dũng  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2012

Đào Minh Tùng  
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 DẦU KHÍ ĐẦU TƯ  
 KHAI THÁC CẢNG  
 PHƯỚC AN  
 NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

300  
 NG  
 PH  
 HÍ  
 THÁ  
 ƯỐC  
 CH



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng	01	17	12.959.318.796	14.421.406.398
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		12.959.318.796	14.421.406.398
4. Giá vốn hàng bán	11	18	11.822.376.075	14.007.230.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.136.942.721	414.175.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	45.116.318.638	28.514.830.842
7. Chi phí bán hàng	24		194.766.375	338.462.891
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.977.451.951	24.113.660.105
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (24 + 25)}	30		7.081.043.033	4.476.883.567
10. Thu nhập khác	31		29.105.216	-
11. Chi phí khác	32		32.033.098	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.927.882)	-
13. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.078.115.151	4.476.883.567
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.292.834.556	1.229.758.392
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		5.785.280.595	3.247.125.175
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	131	112



Trần Ngọc Dũng  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2012

Đào Minh Tùng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 03 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.078.115.151	4.476.883.567
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(43.406.535.573)	(26.994.699.999)
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.709.783.065	1.520.130.843
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(45.116.318.638)	(28.514.830.842)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(36.328.420.422)	(22.517.816.432)
- (Tăng) các khoản phải thu	09	2.310.396.599	655.341.288
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11	15.782.605.284	219.828.762
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(881.462.552)	(869.106.562)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(570.120.000)	(161.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(19.687.001.091)</b>	<b>(22.673.152.944)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(125.386.763.084)	(41.403.709.868)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(80.000.000.000)	(230.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	230.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay	27	45.409.207.529	28.869.430.417
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>70.022.444.445</b>	<b>(244.534.279.451)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	165.000.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>165.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>50.335.443.354</b>	<b>(102.207.432.395)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	152.821.431.182	255.028.863.577
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	203.156.874.536	152.821.431.182



Trần Ngọc Dũng  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2012

Đào Minh Tùng  
Kế toán trưởng